

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/6/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

2/. Ông Nguyễn Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: ông Đinh Văn Dur–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngoan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2023/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2023/QĐ-HPT, ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trà Văn C, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H trình bày: bà với ông Trà Văn C kết hôn do mai mối, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào 2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông C thường hay uống rượu, không lo làm ăn, bà nhiều lần khuyên bảo nên ông C thường hay đánh đập nên bà đã nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông C không thay đổi. Chúng tôi vẫn còn sống chung nhà cho nên thường hay xảy ra cự cãi, xô xát với nhau.

Về con chung có hai người gồm: Trà Văn L, sinh năm 1997 và Trà Thị Ngọc T, sinh năm 1996, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Thửa 310 C, diện tích 700 m², tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh và căn nhà trên thửa đất này.

Về nợ chung: Vợ chồng thiếu Ngân hàng Chính sách phòng giao dịch huyện C số tiền 40.000.000 đồng,

Tại phiên tòa hôm nay, Về hôn nhân: bà H yêu cầu được ly hôn với ông Chính, về con chung: Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: bà rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về số nợ phải thu, phải chi: Ngân hàng chính sách xã hội có đơn không khởi kiện nên bà không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ông Trà Văn C là bị đơn có lời trình bày: ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật. Về Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và có lần xảy ra xô xát với nhau, chúng tôi hiện vẫn còn sống chung nhà. Tại phiên hòa giải; Về quan hệ hôn nhân: ông C không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ; Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết; Về số nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp bổ sung cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trà Văn C.

- *Về con chung:* có hai người gồm Trà Văn L, sinh năm 1997 và Trà Thị Ngọc T, sinh năm 1996, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Hiền so với đơn khởi kiện ban đầu.

- *Về nợ chung*: không xem xét, giải quyết nên không xem xét.

Vì còn đề nghị buộc các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Trà Văn C được xác lập vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C vào ngày 18/8/2010 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà H, ông C là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, ông C, thừa nhận có mâu thuẫn với bà H nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi và cũng xảy ra xô xát với nhau phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Và qua xác minh chính quyền địa phương họ cho rằng ông C thường hay đánh đập bà H, địa phương có giáo dục nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà H xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và xin ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà H được ly hôn với ông C.

[2.2] Về con chung: có hai người gồm Trà Văn L, sinh năm 1997 và Trà Thị Ngọc T, sinh năm 1996, đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Do bà H có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

[2.5] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách số tiền 25.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện C có đơn không khởi kiện nên không xem xét.

[2.6] Về án phí: bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trà Văn C.

- *Về con chung:* có hai người gồm Trà Văn L, sinh năm 1997 và Trà Thị Ngọc T, sinh năm 1996, đã trưởng thành. Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung theo đơn khởi kiện của bà Hiền.

- *Về nợ chung:* Nợ Ngân hàng chính sách số tiền 25.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Càng Long có đơn không khởi kiện nên không xem xét.

- *Về án phí:* bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 2.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013028, ngày 20/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, bà Nguyễn Thị H, được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 2.500.000 đồng.

Ông Trà Văn C không phải nộp án phí.

2. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

nhận :

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Sa Rên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Càng Long, ngày 12 tháng 8 năm 2020
BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 12 tháng 8 năm 2020.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Trịnh Văn Út.

2/. Bà Lê Thị Cảnh.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về vụ: “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Tiến, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Dừa Đò 2, xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Tô Anh Dũng, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Trắng, xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100% (tức 3/3) quyết định những vấn đề sau đây:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tiến.

2. Kết quả biểu quyết 3/3

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Tiến được ly hôn với anh Tô Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết 3/3

- *Về con chung:* Giao cháu Tô Ron Tô, sinh ngày 04/8/2006 cho chị Nguyễn Thị Tiến được tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1. Kết quả biểu quyết 3/3

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Tiến chưa đặt ra có yêu cầu nên không xem xét.

3. Kết quả biểu quyết 3/3

- Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết 3/3

- *Về nợ chung:* không có nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết 3/3

- **Về án phí:** chị Nguyễn Thị Tiến phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005339, ngày 27/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Nguyễn Thị Tiến đã nộp đủ tiền án phí, anh Tô Anh Dũng không phải nộp án phí.

4. Kết quả biểu quyết 3/3

2. Các đương sự mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Văn Út

Lê Thị Cảnh

Huỳnh Sa Rên